HUYỆN TRÀNG ĐỊNH - TỈNH LẠNG SƠN

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ VĨNH TIẾN, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ VĨNH TIẾN TRONG HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

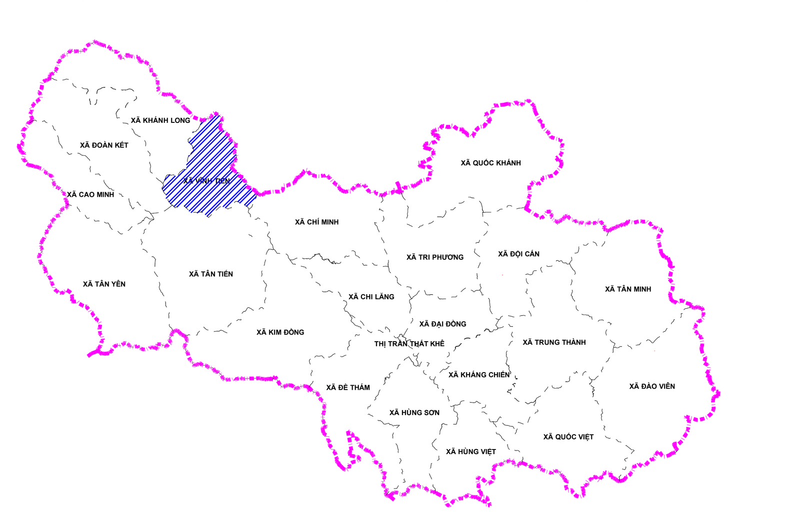

BIỂU DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ VĨNH TIẾN - HUYỆN TRÀNG ĐỊNH - TỈNH LẠNG SƠN

STT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha) Tổng	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm	Năm thực hiện	Kí hiệu bản đồ
1	Trụ sở công an xã Vĩnh Tiến	0,12		0,12	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	CAN-01
2	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã	0,10		0,10	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	TSC-01
3	Chuyển mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn xã (Xưởng chế biến gỗ)	0,54		0,54	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	SKC-01
4	Nhà văn hoá xã Vĩnh Tiến	0,10		0,10	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	DVH-01
5	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Vĩnh Tiến	0,20	0,14	0,06	xã Vĩnh Tiến	2023	DYT-01
6	Mở rộng trường PTDTBT, TH, THCS Vĩnh Tiến (cấp mầm non)	0,12	0,07	0,05	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	DGD-01
7	Đấu giá quyền sử dụng đất nhà văn hóa các thôn: Pác Quang, Phiêng Sâu, Khuổi Nhảo, Pò Lâu, Khuổi Suổn	0,05		0,05	xã Vĩnh Tiến	2026-2030	ONT-01
8	Đấu giá quyền sử dụng đất phân trường Phiêng Han, Khuổi Suổn	0,08		0,08	xã Vĩnh Tiến	2026-2030	ONT-02
9	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở	9,91		9,91	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	ONT-03
10	Mở rộng nhà văn hoá thôn Nhất Tiến (Khuổi Hai cũ)	0,01		0,01	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	DVH-06
11	Nhà văn hoá thôn Đông Sào (Chuyển đổi từ trường học sang nhà văn hoá thôn Đông Sào)	0,18		0,18	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	DVH-02
12	Mở rộng nhà văn hoá thôn Hợp Thành	0,08	0,06	0,02	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	DVH-03
13	Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Khuổi Suổn	0,15		0,15	xã Vĩnh Tiến	2023-2025	DVH-04
14	Mở rộng sân thể thao xã Vĩnh Tiến	0,37		0,37	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DTT-01
15	Mở rộng sân thể thao thôn Hợp Thành	0,10		0,10	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DTT-02
16	Nhà văn hóa và sân thể thao Phiêng Sâu	0,13		0,13	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DVH-05
17	Quy hoạch bưu điện xã	0,03		0,03	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DBV-01
18	Mở rộng trường PTDTBT, TH, THCS Vĩnh Tiến	0,11		0,11	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DGD-02
19	Bãi đổ thải đường ĐH.06	1,50		1,50	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DRA-01
20	Đường thôn Khuổi Suổn	0,02		0,02	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
21	Mở rộng đường giao thông Phiêng Sâu - Khuổi Phải	0,04		0,04	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
22	Mở rộng đường giao thông Khuổi Suổn - Khuổi Cù	0,30		0,30	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
23	Mở rộng đường giao thông liên thôn từ Cốc Phường, Hợp Thành đến nhà văn hóa Đông Sào	1,50		1,50	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
24	Mở rộng đường giao thông liên thôn từ Khuổi Suổn đi Khuổi Nhảo	0,58		0,58	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
25	Mở rộng đường giao thông từ cầu Phiêng Han đến nhà văn hóa thôn Hợp Thành	0,06		0,06	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
26	Mở rộng đường liên xã Đông Sào, Vĩnh Tiến - Đức Thông, Cao Bằng	0,20		0,20	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
27	Mở rộng đường liên xã Đông Sào, Vĩnh Tiến - Phân Mẫn, xã Khánh Long	0,15		0,15	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
28	Mở rộng đường liên xã Nhất Tiến, Vĩnh Tiến - Trọng Con, Cao Bằng	0,25		0,25	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
29	Mở rộng đường liên xã Khuổi Suổn, Vĩnh Tiến - Trọng Con, Cao Bằng	0,88		0,88	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
30	Công trình năng lượng (Trạm biến áp, đường điện, ...)	9,56		9,56	Các xã, thị trấn	2023-2030	
31	Đường GTNT trên địa bàn huyện	59,76	25,90	33,86	Các xã, thị trấn	2023-2030	
32	Trạm BTS thôn Nhất Tiến	0,10		0,10	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	DBV-02
33	Công trình nước sinh hoạt tại 5 thôn	0,50		0,50	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
34	Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất các thôn xã Vĩnh Tiến	1,00		1,00	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
35	Quy hoạch nghĩa trang tập trung tại các thôn	5,00		5,00	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	
36	Công trình hạ tầng bưu chính viễn thông tại các xã	0,50		0,50	xã Vĩnh Tiến	2023-2030	

KÝ HIỆU

- Đường ống thoát nước mưa
- Đường ống thoát nước thải
- Đường ống cấp nước
- ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG — Đường nội đồng
- ĐƯỜNG THÔN — Đường thôn
- ĐƯỜNG XÃ — Đường xã
- ĐƯỜNG QL.4A — Đường quốc lộ

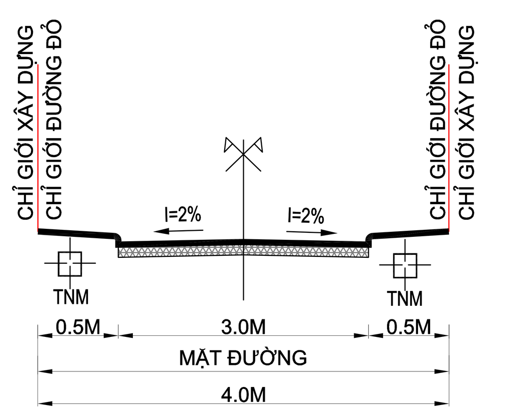

MẶT CẮT: 2-2: ĐƯỜNG THÔN

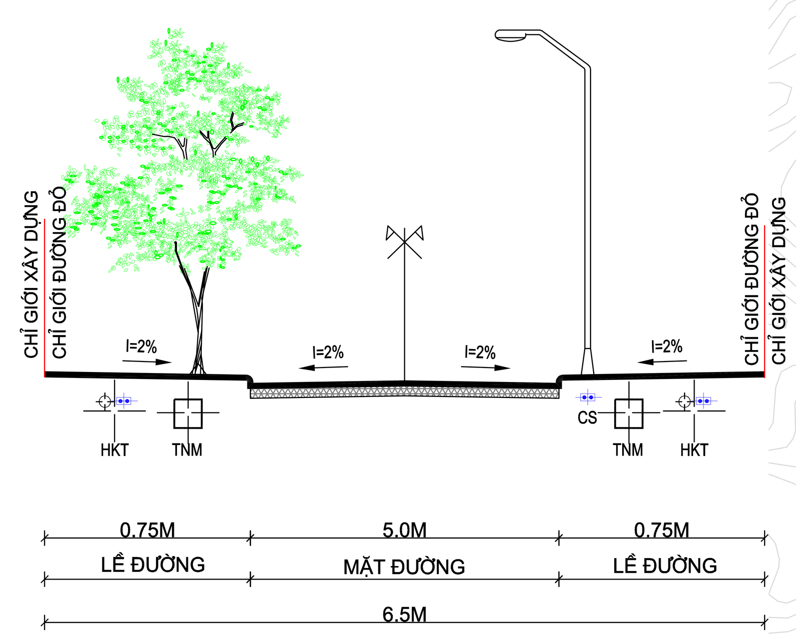

MẶT CẮT 1-1 ĐƯỜNG XÃ

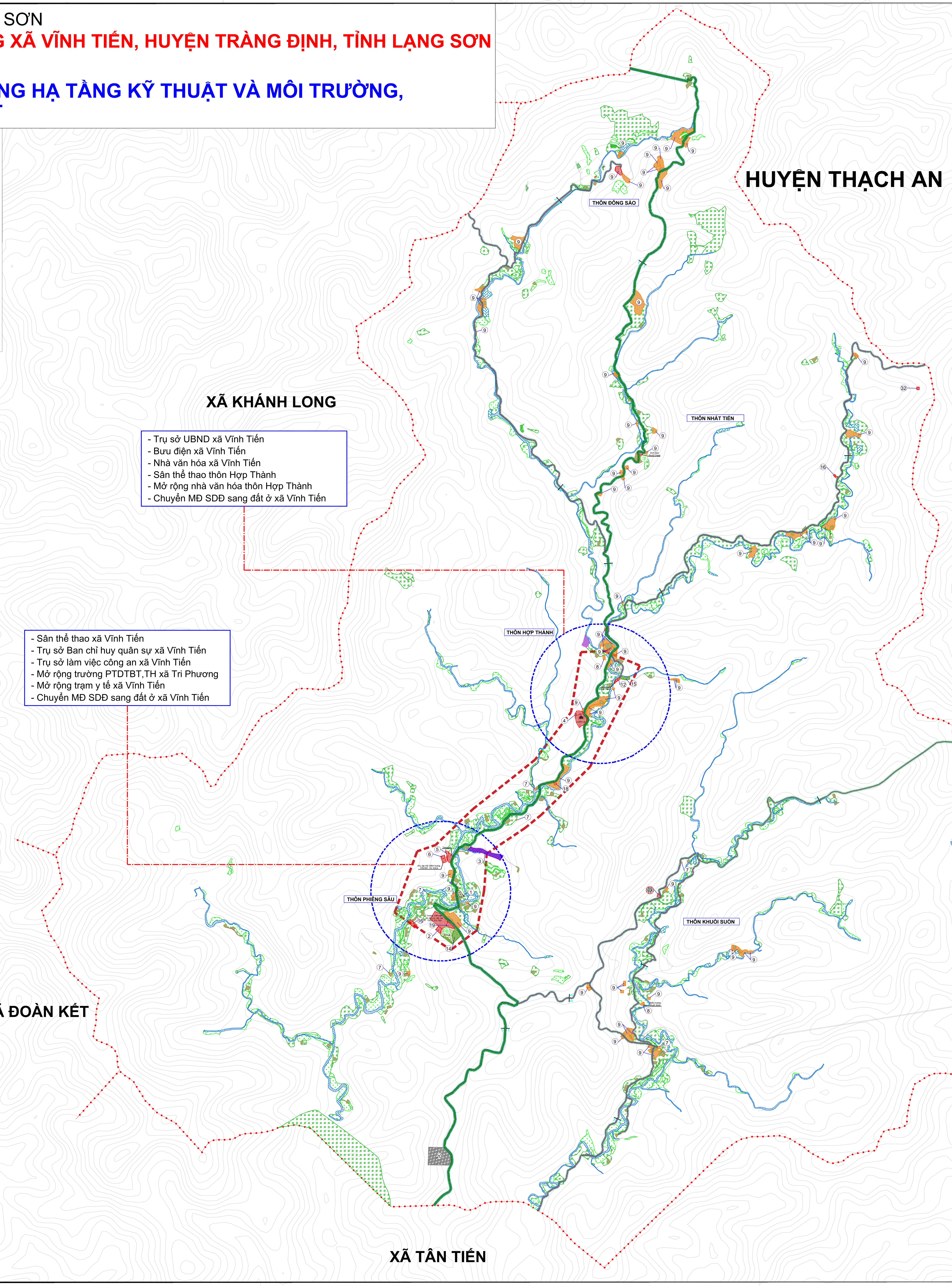

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2022-2030 XÃ VĨNH TIẾN, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2022 Diện tích (ha)	Năm 2022 Cơ cấu (%)	Năm 2030 Diện tích (ha)	Năm 2030 Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(3)
	Tổng diện tích tự nhiên	**2.963,79**	**100,00**	**2.963,79**	**100,00**	
1	**Đất nông nghiệp**	**2.901,41**	**97,90**	**2.884,36**	**97,32**	-17,05
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	126,79	4,28	116,14	3,92	-10,65
1.2	Đất lâm nghiệp	2.771,04	93,50	2.764,64	93,28	*-6,40*
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	3,58	0,12	3,58	0,12	
1.4	Đất làm muối					
1.5	Đất nông nghiệp khác					
2	**Đất xây dựng**	**34,43**	**1,16**	**51,48**	**1,74**	**17,05**
2.1	Đất ở	4,87	0,16	14,91	0,50	10,04
2.2	Đất công cộng	2,00	0,07	2,51	0,08	0,51
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,65	0,02	1,01	0,03	0,36
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền					
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề			0,54	0,02	0,54
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng					
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác					
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	26,61	0,90	32,09	1,08	5,48
2.8.1	*Đất giao thông*	*26,59*	*0,90*	*30,57*	*1,03*	*3,98*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*			*1,50*	*0,05*	*1,50*
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*					
2.8.4	*Đất hạ tầng kỹ thuật khác*	*0,02*	*0,001*	*0,02*	*0,001*	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,31	0,01	0,31	0,01	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			0,12	0,004	0,12
3	**Đất khác**	**27,95**	**0,94**	**27,95**	**0,94**	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	27,95	0,94	27,95	0,94	
3.2	Đất chưa sử dụng					

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài thực tế (m)	Hiện trạng Bề rộng (m) Nền	Hiện trạng Bề rộng (m) Mặt	Thoát nước (đạt/k.đạt)	Kết cấu Bê tông xi măng	Kết cấu Đất	Quy hoạch đến năm 2030 Bề rộng (m) Nền	Quy hoạch đến năm 2030 Bề rộng (m) Mặt	Hành lang bảo vệ; vỉa hè (m)	Ghi chú
I. Đường xã													
1	Hợp Thành - Đông Sào (ĐX.133)	Hợp Thành	Đông Sào	6.000	4,0	3,0		500	5.500	8,0	5,0	1,25 x 2	A-GTNT
2	Hợp Thành - Khuổi Hai (ĐX.134)	Hợp Thành	Khuổi Hai	3.500	4,0	3,0			3.500	8,0	5,0	1,25 x 2	A-GTNT
3	Phiêng Sâu - Pò Lâu (ĐX.135)	Phiêng Sâu	Pò Lâu	2.100	4,0	3,0		2.000	100	8,0	5,0	1,25 x 2	A-GTNT
4	Phiêng Sâu - Khuổi Shuồn (ĐX.136	Phiêng Sâu	Khuổi Suồn	3.000	4,0	3,0		3.000		8,0	5,0	1,25 x 2	A-GTNT
5	Khuổi Phụ	Trạm y tế Vĩnh Tiến	Thôn Khuổi Phụ, xã Khánh Long	2.200	3,5	3,0			2.200	8,0	5,0	1,25 x 2	A-GTNT
6	Đường liên xã từ thôn Đông Sào, Vĩnh Tiến - Đức Thông, Cao Bằng	thôn Đông Sào	Đức Thông, Cao Bằng	500						4,0	3,0	0,5 x 2	B-GTNT
7	Đường liên xã từ thôn Đông Sào, Vĩnh Tiến - Phân Mẫn, xã Khánh Long	thôn Đông Sào	Phân Mẫn, xã Khánh Long	491						4,0	3,0	0,5 x 2	B-GTNT
8	Đường liên xã từ thôn Nhất Tiến, Vĩnh Tiến - Trọng Con, Cao Bằng	thôn Nhất Tiến	Trọng Con, Cao Bằng	620						4,0	3,0	0,5 x 2	B-GTNT
9	Đường liên xã từ thôn Khuổi Suồn, Vĩnh Tiến - Trọng Con, Cao Bằng	thôn Khuổi Suồn	Trọng Con, Cao Bằng	2.207						4,0	3,0	0,5 x 2	B-GTNT

BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Giao thông:
- Các tuyến đường được áp dụng theo mặt cắt từ 1-1 và theo Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10380:2014 đường giao thông nông thôn.

2. Cấp nước:
- Nguồn cấp nước: Sử dụng hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã, đồng thời người dân sử dụng thêm nguồn nước là nước mưa tại các bể tích nước, nước giếng khoan, nước ngầm, …
- Định hướng thực hiện vệ sinh thường xuyên các trạm cấp nước tập trung, bể nước sinh hoạt, giếng nước khoan, khuyến khích lắp đặt hệ thống máy lọc nước RO tại các hộ gia đình.

3. Thoát nước:
- Nước thải sinh hoạt ở khu dân cư sau khi xử lý sẽ theo mương, cống dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.
- Mương, rãnh thoát nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.
- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây dựng hệ thống mương nắp đậy thu nước, sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thẩm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Tối thiểu phải thu gom đạt 80% tổng lượng nước cấp để xử lý.
- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định trong QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4. Cấp điện:
- Hệ thống điện: Hệ thống điện được cung cấp 100% từ lưới điện quốc gia, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Hiện trạng năm 2022 trên địa bàn xã Vĩnh Tiến có 03 trạm biến áp với tổng công suất 181,5 KVA cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng và đảm bảo vận hành theo quy định.
- Trạm biến áp phân phối: Dự kiến trên địa bàn sẽ sử dụng 03 loại trạm như: Trạm 1 cột, trạm xây (trạm trong nhà), trạm treo (hạn chế phát triển). Tuy nhiên đối với xã Vĩnh Tiến sẽ định hướng cải tạo lại các trạm điện, hệ thống đường dây điện xuống cấp và cấp điện đến 2 hộ gia đình chưa có điện.

5. Khu nghĩa trang, nghĩa địa:
- Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu là 0,04 ha/1000 dân;
- Quy hoạch nghĩa trang phải tính đến các phong tục, tập quán về mai táng ở địa phương nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu về môi trường và sử dụng đất đai hiệu quả, tiết kiệm.
- Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng hiện hữu không đảm bảo các quy định về khoảng cách ATMT phải thực hiện đánh giá tác động môi trường để bổ sung các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh theo quy định
- Diện tích đất xây dựng cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 5 m². Diện tích sử dụng đất cho mỗi hộ cát táng tối đa không quá 3 m²

6. Cây xanh:
- Tăng số diện tích cây xanh hiện có ở dọc các tuyến đường trục chính và ở trong khuôn viên trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc xã, ...
- Giữ nguyên mặt nước hiện trạng, trồng mới cây xanh dọc các tuyến đường mới, khuôn viên các cơ quan xây dựng mới.

Hiện trạng	Quy hoạch Ngắn hạn	Quy hoạch Dài hạn	Tên ký hiệu
I - ĐẤT NÔNG NGHIỆP			
			- ĐẤT TRỒNG LÚA
			- ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
			- ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
			- ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
			- ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
			- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
			- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
II - ĐẤT XÂY DỰNG			
			- ĐẤT Ở
			- ĐẤT CÔNG CỘNG
			- ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO
			- ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM, DI TÍCH, ĐÌNH ĐỀN
			- ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
			- ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG
			- ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
			- ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI
			- ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
			- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
			- ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT
			- ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
III - ĐẤT KHÁC			
			- ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG
			- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

KÝ HIỆU

- Nhà văn hóa, thư viện, nhà hát
- Sân thể thao
- Dịch vụ thương mại
- Trường trung học phổ thông
- Trường trung học cơ sở
- Trường tiểu học
- Trường mầm non, nhà trẻ
- Trường dạy nghề
- Bệnh viện, trạm y tế
- Tôn giáo
- Di tích
- Trạm biến áp
- Trạm bơm
- Khu công nghiệp, thủ công nghiệp
- Trụ sở Ủy ban nhân dân xã
- Ranh giới lập quy hoạch

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 20 23

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
Kèm theo Báo cáo thẩm định số 913 /KTHT-QH ngày 27 tháng 12 năm 20 23

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH TIẾN
Kèm theo Tờ trình số:........../TTr-UBND ngày........tháng.......năm 20......
CHỦ TỊCH
Lý Văn Thành

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ VĨNH TIẾN, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

BẢN VẼ: QH_05	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NGÀY:.........202......
THỂ HIỆN / THIẾT KẾ	VŨ VĂN VIẾT		
CHỦ TRÌ / TRƯỞNG PHÒNG	NGUYỄN MINH VIỆT		
QL.KỸ THUẬT	VŨ THỊ MAI YẾN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
BÙI NGỌC HÀ

CƠ QUAN TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA VÀ MÔI TRƯỜNG HOÀNG ANH
ĐỊA CHỈ: ĐỘI 8, THÔN TRINH TIẾT, XÃ ĐẠI HƯNG, HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SĐT: 0243.317.1199